

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 05-12-2022

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Thuán

*Các thẩm phán:* Bà Đinh Thị Tuyết và bà Nguyễn Thị Hằng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lại Thị Minh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 24/2021/TLPT-HNGĐ, ngày 05/10/2022, về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 94/2022/ HNGĐ-ST, ngày 15/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 31/2022/QĐ-PT, ngày 28/10/2022, giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Ông Tống Văn H, sinh năm 1959; địa chỉ: phường T, thành phố B; có mặt.

\* **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1967; địa chỉ: phường T, thành phố B; có mặt.

\* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Trần Thị T và ông Dương Hải B; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

- Bà Phan Thị Xuân M, ông Nguyễn Thanh S, chị Nguyễn Thị Thanh T1, anh Nguyễn Thanh T2, anh Nguyễn Thanh T3; địa chỉ: phường T, thành phố B; vắng mặt.

\* **Người kháng cáo:** Bà Nguyễn Thị H1.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* **Nguyên đơn ông Tống Văn H trình bày:**

Năm 2013 tôi và bà Nguyễn Thị H1 làm thủ tục ly hôn tại Tòa án và đã được Tòa án giải quyết bằng Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 105/2013/QĐST-HNGĐ, ngày 15/4/2013 của Tòa án nhân dân thành phố B. Về tài sản chung tự thỏa thuận vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng đất: thửa đất số 46, tờ bản đồ số 51, diện tích 174,7m<sup>2</sup>. Đây là thửa đất vợ chồng tôi mua của bà Phan Thị Xuân M và ông Nguyễn Thanh S. Khi mua bán các bên chỉ làm giấy tay với nhau và qua tổ dân phố ký xác nhận và có ông Nghiêm Quang T4 làm chứng. Sau khi ly hôn bà H1 là người quản lý tài sản, trong quá trình quản lý tài sản bà H1 đã lập lại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất khác với vợ chồng bà Phan Thị Xuân M và ông Nguyễn Thanh S mà không thông báo cho tôi biết nên việc chuyển nhượng trên chưa có sự chấp thuận của tôi. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà H1 lại đem thế chấp Ngân hàng để vay tiền. Đến khoảng tháng 6/2018 bà H1 đã rút bìa đỏ ở Ngân hàng ra để chuyển nhượng cho ông Dương Hải B và bà Trần Thị T.

Như vậy thửa đất số 46, tờ bản đồ số 51, diện tích 174,7m<sup>2</sup> tại phường T, thành phố B là tài sản chung của tôi và bà H1. Hiện nay căn nhà và đất này tôi đang quản lý sử dụng và tôi đã nhận của bà H1 số tiền 70.000.000 đồng.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết chia giá trị tài sản căn nhà và thửa đất số 46, tờ bản đồ số 51, tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo quy định của pháp luật.

Hiện nay tài sản trên đã đứng tên ông B bà T nên tôi có nguyện vọng được chia ½ giá trị căn nhà và tài sản trên đất theo Biên bản định giá tài sản ngày 21/4/2022, cụ thể như sau:

Giá đất theo giá thị trường là 3.000.000.000 đồng : 2 = 1.500.000.000 đồng;

Giá trị tài sản trên đất là 75.545.000đ : 2 = 37.772.500 đồng.

Trường hợp căn nhà và thửa đất số 46, tờ bản đồ số 51, tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk được giải quyết lại đứng tên bà H1 thì tôi xin được lấy nhà và trả cho bà H1 ½ giá trị tài sản nói trên và 70.000.000 đồng mà trước đây tôi đã nhận của bà H1.

Đối với ý kiến của bà H1 chỉ đồng ý trả cho tôi số tiền còn lại là 200.000.000 đồng và lãi suất tính theo quy định pháp luật thì tôi không đồng ý.

**\* Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày:**

Năm 2013, tôi và ông H đã làm thủ tục ly hôn tại Tòa án. Tài sản tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tôi được chia căn nhà và thửa đất số 46, tờ bản đồ số 51, tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Khi đó 2 bên thỏa thuận giá trị căn nhà và đất là 700.000.000 đồng, tôi có trách nhiệm trả cho ông H 350.000.000 đồng. Sau khi tính toán và hai bên trả tiền chăm sóc nuôi dưỡng con là 60.000.000 đồng và 20.000.000 đồng làm giấy tờ thì tôi còn phải trả ông H 270.000.000 đồng. Tôi đã trả cho ông H 70.000.000 đồng, còn 200.000.000 đồng. Nay ông H yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản là căn nhà và thửa đất số 46, tờ bản đồ số 51, tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo quy định của pháp luật thì tôi không đồng ý. Tôi chỉ đồng ý

trả cho ông H số tiền còn lại là 200.000.000 đồng và lãi suất tính theo quy định pháp luật. Tôi không nhất trí giao căn nhà trên cho ông H vì tài sản trên đứng tên chính chủ bà Nguyễn Thị H1.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Hải B và bà Trần Thị T trình bày:**

Trường hợp ông H yêu cầu Tòa án chia tài sản chung với bà H1 là căn nhà và thửa đất số 46, tờ bản đồ số 51, tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo quy định của pháp luật theo giá trị bằng tiền thì chúng tôi không liên quan nên không có ý kiến gì.

Trường hợp các bên yêu cầu chia bằng hiện vật là căn nhà và quyền sử dụng đất trên thì chúng tôi không đồng ý, bởi lẽ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà H1 và vợ chồng tôi đã được công nhận quyền sử dụng mang tên vợ chồng tôi và được giải quyết bằng bản án số 67/2020/DS-ST, ngày 19/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B và bản án số 237/2020/DS-PT, ngày 30/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã có hiệu lực thi hành và đang trong quá trình thi hành án theo quy định pháp luật.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Bà M, ông S, chị T1, anh T2, anh T3:** Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không thể tiến hành lấy lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải được.

**Tại bản án sơ thẩm số 94/2022/HNGĐ-ST, ngày 15/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 163, Điều 165, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 29, Điều 33 và Điều 59 Luật hôn nhân gia đình; Áp dụng Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH, ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông Tống Văn H về việc yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn;

- Phân chia tài sản chung sau khi ly hôn của ông Tống Văn H và bà Nguyễn Thị H1 là giá trị của thửa đất số 46, tờ bản đồ số 51 và ngôi nhà cấp bốn với tài sản khác gắn liền trên đất tại địa chỉ phường T thành phố B, tại thời điểm ngày 24/7/2018, tương ứng số tiền 700.000.000 đồng;

Bà Nguyễn Thị H1 được nhận phần giá trị tài sản tương đương số tiền 350.000.000 đồng ( $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản - bà H1 đã nhận đủ);

Ông Tổng Văn H được nhận phần giá trị tài sản tương đương số tiền 350.000.000 đồng (1/2 giá trị tài sản).

- Buộc bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ trả cho ông Tổng Văn H số tiền: 275.222.000 đồng (gồm: 200.000.000 đồng còn lại trong phần giá trị tài sản ông H được chia mà bà H1 chưa giao và 75.222.000 đồng tiền lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản, án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/7/2022 Tòa án nhận được đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H1 với nội dung: Yêu cầu chia tài sản bằng đất nông nghiệp tại địa chỉ và hủy bản án sơ thẩm số 94/2022/ HNGĐ-ST, ngày 15/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk có quan điểm như sau:

- Về phần thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến ngày mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Xét thấy đơn kháng cáo không đồng ý chia theo thỏa thuận mà chỉ yêu cầu chia theo giá trị tài sản chung là đất nông nghiệp là không có căn cứ, bản thỏa thuận của các đương sự giá trị đất 700 triệu mỗi người được 350 triệu ông H phải trợ cấp nuôi con 60 triệu, 20 triệu để tách thửa chuyển quyền sử dụng đất như vậy bà H1 còn phải trả cho ông H 200 triệu và lãi suất chậm trả là có căn cứ.

Yêu cầu hủy án sơ thẩm nhưng không đưa ra căn cứ nên không chấp nhận.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả trưng tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nguồn gốc tài sản đang tranh chấp:

Theo trình bày của các bên và theo bản án số 23/2020/DS-PT, ngày 30/12/2020 của TAND tỉnh Đắk Lắk, ông H và bà H1 đều xác nhận đây là tài sản chung của ông bà mua từ ông S, bà M năm 1999, xây nhà ở ổn định từ đó đến năm 2013 thì ông bà ly hôn. Nên cấp sơ thẩm xác định nhà và đất tại thửa đất số 46, tờ bản đồ số 51, diện tích 174,7m<sup>2</sup>, tại địa chỉ: Phường T thành phố B (gọi tắt là thửa đất số 46) là tài sản chung của ông H, bà H1, là đúng quy định.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H1 về việc đề nghị hủy bản án sơ thẩm:

Nhận thấy, bà H1 kháng cáo yêu cầu chia tài sản bằng đất nông nghiệp tại thửa đất số 46 là không phù hợp vì cả đất và tài sản trên đất là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông H, bà H1. Đến ngày 16/5/2018, tài sản chung nói trên của ông H và bà H1 đã được sang nhượng cho ông B, bà T; ông B, bà T nhận sang nhượng là ngay tình và đã được công nhận bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật. Cùng lúc đó, tại biên bản thỏa thuận về việc chia tài sản chung ngày 24/7/2018, ông H, bà H1 đã có thỏa thuận với nhau về việc chia giá trị đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 46 là 700.000.000 đồng. Ông H và bà H1 mỗi người được chia 350.000.000 đồng. Khấu trừ số tiền ông H trợ cấp nuôi con chưa đóng cho bà H1 là 60.000.000 đồng, số tiền làm thủ tục tách thửa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 20.000.000 đồng. Số tiền còn lại bà H1 có trách nhiệm giao cho ông H là 270.000.000 đồng. Quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm, bà H1 cũng đã trình bày đúng như nội dung thỏa thuận trên.

Do đó, tài sản chung của ông H, bà H1 không còn là nhà và đất tại thửa đất số 46 nữa, mà là 700.000.000 đồng như các bên đã thỏa thuận. Sau khi xét xử sơ thẩm, ông H không kháng cáo coi như đồng ý với bà H1 về giá trị tài sản chung như trên.

Như vậy, án sơ thẩm tuyên buộc bà H1 có trách nhiệm trả cho ông Tống Văn H số tiền 275.222.000 đồng (gồm: 200.000.000 đồng còn lại trong phần giá trị tài sản ông H được chia mà bà H1 chưa giao và 75.222.000 đồng tiền lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ) là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của bà H1 là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H1 – Giữ nguyên Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 94/2022/ HNGĐ-ST, ngày 15/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 163, Điều 165, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 29, Điều 33 và Điều 59 Luật hôn nhân gia đình; Áp dụng Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH, ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xir:***

Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông Tống Văn H về việc yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn;

- Phân chia tài sản chung sau khi ly hôn của ông Tống Văn H và bà Nguyễn Thị H1 là giá trị của thửa đất số 46, tờ bản đồ số 51 và ngôi nhà cấp bốn với tài sản khác gắn liền trên đất tại địa chỉ phường T, thành phố B, tại thời điểm ngày 24/7/2018, tương ứng số tiền 700.000.000 đồng;

Bà Nguyễn Thị H1 được nhận phần giá trị tài sản tương đương số tiền 350.000.000 đồng ( $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản - bà H1 đã nhận đủ);

Ông Tống Văn H được nhận phần giá trị tài sản tương đương số tiền 350.000.000 đồng ( $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản).

- Buộc bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ trả cho ông Tống Văn H số tiền: 275.222.000 đồng (gồm: 200.000.000 đồng còn lại trong phần giá trị tài sản ông H được chia mà bà H1 chưa giao và 75.222.000 đồng tiền lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Tống Văn H phải nộp số tiền là 2.000.000 đồng, khấu trừ toàn bộ vào số tiền ông H đã nộp tạm ứng (ông H đã thực hiện xong).

[4] Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Ông Tống Văn H được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị H1 phải nộp 17.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0021101 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- TAND thành phố B;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Duy Thuận**